

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **189/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Minh Chiểu.  
2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thúy H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1995.

ĐKHKTT: Thôn 2, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Trịnh Hùng Đ, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, bản tự khai ngày 21/6/2022, biên bản hòa giải ngày 21/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 08/02/2015, vợ chồng về chung sống với nhau từ ngày 08/02/2015. Do anh Đ chưa đủ tuổi nên đến ngày 17/10/2016, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là xã Y), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đầu, đến

năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh Đ đã đánh đập chị, còn đuổi chị về ngoại. Chị phải về ngoại sống nhiều lần. Mâu thuẫn gần đây nhất là vào tháng 5/2022, vợ chồng cãi nhau, anh Đ đuổi chị về, nên chị đã về ngoại sống từ cuối tháng 5/2022. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị xét thấy vợ chồng chị mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 23/09/2016 và cháu Trịnh Thu M, sinh ngày 07/11/2018. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Hiện tại chị làm công nhân cho công ty giày Alena, lương tháng trung bình là 8.000.000đ, đủ điều kiện nuôi con. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu, hai cháu là 2.000.000đ/tháng, tính từ tháng 9/2022 cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 21/6/2022, biên bản hòa giải ngày 21/6/2022, bị đơn là anh Trịnh Hùng Đ trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, đã tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau từ ngày 08/02/2015. Do anh chưa đủ tuổi, nên đến ngày 17/10/2016, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Bái (nay là xã Y), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm về các sự việc xảy ra trong cuộc sống. Anh thừa nhận những lúc cãi nhau, nóng lên thì anh có tát chị H vài cái, nhưng xong rồi thì thôi. Lúc nóng anh có nói chị H đi đâu thì đi, đó chỉ là câu cửa miệng lúc nóng giận thôi. Chị H có 2-3 lần về ngoại vài ngày rồi lại quay lại nhà anh. Lần mâu thuẫn gần đây nhất là vào tháng 5/2022, vợ chồng cãi nhau, chị H đã bỏ về nhà ngoại sống. Vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 5/2022 đến nay. Sau khi ly thân, anh có gặp chị H nói chuyện nhưng chị H không quan tâm đến anh. Gia đình đã hòa giải, động viên cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị H làm xin ly hôn, anh thấy vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là cháu Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 23/09/2016 và cháu Trịnh Thu M, sinh ngày 07/11/2018. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H. Nếu phải ly hôn, quan điểm của anh chấp nhận cho chị H nuôi cả 02 con, vì anh không muốn tách các cháu ra. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu, cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trịnh Hùng Đ. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 23/09/2016 và cháu Trịnh Thu M, sinh ngày 07/11/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu, hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị H và anh Đ là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đ đã Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị H và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau, anh Đ nhiều lần đánh, đuổi chị H. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H đã nhiều lần về nhà ngoại sống. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 5/2022, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn, về phía anh Đ thừa nhận có đánh, đuổi chị H, nhưng anh Đ xin được đoàn tụ. Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải, Tòa án đã đưa ra các giải pháp, cách thức để giúp anh Đ thuyết phục chị H về đoàn tụ. Nhưng từ sau phiên hòa giải lần 1 cho đến nay, anh Đ không thực hiện giải pháp gì để thuyết phục chị H. Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, lần 3 thì anh Đ không đến Tòa án. Tòa án

đã 02 lần mở phiên tòa, nhưng anh Đ cũng không đến tham dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ anh Đ không có thiện chí níu kéo hạnh phúc, có thái độ bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân giữa chị H và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện tại đời sống chung đã chấm dứt, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung:

Chị H và anh Đ đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 23/09/2016 và cháu Trịnh Thu M, sinh ngày 07/11/2018. Chị H có nguyện vọng nuôi 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng. Bản thân chị H có việc làm ổn định, có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con. Anh Đ cũng chấp nhận cho chị H nuôi 02 con. Xét thấy 02 con đang ở với chị H. Vì vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con, giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu, hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là phù hợp và anh Đ cũng đồng ý mức cấp dưỡng chị H yêu cầu, nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Hùng Đ.

2. *Về con chung:* Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 23/09/2016 và cháu Trịnh Thu M, sinh ngày 07/11/2018. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Thu T và cháu Trịnh Thu M.

Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu, hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về án phí*:

- *Án phí ly hôn*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003492 ngày 06/6/2022. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

- *Án phí cấp dưỡng*: Anh Trịnh Hùng Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Dung**